



Tổng công ty Bảo đảm an toàn
hàng hải miền Nam
office@vms-south.vn
09-04-2020 11:16:36 +07:00

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 62 /TBHH-TCTBĐATHHMN

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 07 tháng 4 năm 2020

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật độ sâu luồng hàng hải cho ~~tàu biển~~ trọng tải lớn
vào sông Hậu



TVH - 06 - 2020.

Vùng biển: Tỉnh Trà Vinh.

Tên luồng: luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu.

Căn cứ bình đồ độ sâu, ký hiệu từ TTLSH_2003_01 đến TTLSH_2003_34, tỷ lệ 1/2000 do đạc hoàn thành tháng 3 năm 2020, các số liệu liên quan do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam cung cấp và theo đề nghị của Trưởng phòng An toàn hàng hải,

Thừa uỷ quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo:

Trong phạm vi khảo sát tuyến luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải, độ sâu nhỏ nhất bằng mét tính đến mực nước số "0" Hải đồ như sau:

1. Đoạn 1 - Đoạn luồng biển: đoạn từ phao báo hiệu hàng hải số "0" đến đê biển xã Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (khu vực cập đăng tiêu số "9", "12") có chiều dài 7,7km như sau:

a). Đoạn từ phao báo hiệu hàng hải số "0" đến hạ lưu cặp phao báo hiệu hàng hải số "7", "10" - 200m, có chiều dài 6,5km, chiều rộng luồng 150m như sau:

- Đoạn luồng từ thượng lưu phao BHHH số "1" + 190m đến thượng lưu phao BHHH số "3" + 60m, chiều dài khoảng 1150m, độ sâu nhỏ nhất ở tim luồng đạt 5,6m, độ sâu nhỏ nhất đạt 5,0m.

- Đoạn luồng từ thượng lưu phao BHHH số "3" + 60m đến hạ lưu phao BHHH số "8" - 450m, chiều dài khoảng 2,2km, độ sâu nhỏ nhất đạt 4,1m.

- Đoạn luồng từ hạ lưu phao số "8" - 450m đến hạ lưu cặp phao báo hiệu hàng hải số "7", "10" - 200m, chiều dài khoảng 1,6km, độ sâu nhỏ nhất ở tim luồng đạt 2,8m, độ sâu nhỏ nhất đạt 2,0m nằm sát biên phải luồng.

b). Đoạn luồng từ hạ lưu cặp phao báo hiệu hàng hải số "7", "10" - 200m đến đê biển xã Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (khu vực cập đăng tiêu số "9", "12") có chiều dài 1,2km, chiều rộng luồng 85m như sau:

- Đoạn luồng từ hạ lưu cặp phao báo hiệu hàng hải số "7", "10" - 200m đến thượng lưu cặp phao báo hiệu hàng hải số "7", "10" + 90m, chiều dài khoảng 290m, độ sâu nhỏ nhất ở tim luồng đạt 5,1m, độ sâu nhỏ nhất đạt 2,3m nằm sát biên trái luồng.

- Đoạn luồng từ thượng lưu cặp phao báo hiệu hàng hải số “7”, “10” + 90m đến đê biển xã Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (khu vực cặp đăng tiêu số “9”, “12”) có chiều dài khoảng 910m, độ sâu nhỏ nhất ở tim luồng đạt 5.0m, độ sâu nhỏ nhất đạt 3,4m nằm sát biên trái luồng.

Ngoài các đoạn có độ sâu nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 6,5m trở lên.

2. Đoạn 2 - đoạn luồng Kênh Tắt: từ đê biển Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (khu vực cặp đăng tiêu số “9”, “12”) đến Ngã ba kênh Quan Chánh Bô - kênh Tắt có chiều dài 8,7km, chiều rộng 85m như sau:

- Đoạn luồng từ cặp đăng tiêu số “9”, “12” đến hạ lưu đăng tiêu số “22” - 430m chiều dài khoảng 8,0km như sau:

+ Dải độ sâu nằm bên phải luồng, lún luồng xa nhất 10m, độ sâu nhỏ nhất đạt 4,8m nằm sát biên luồng.

+ Dải độ sâu nằm bên trái luồng, lún luồng xa nhất 12m, độ sâu nhỏ nhất đạt 4,6m nằm sát biên luồng.

- Đoạn từ hạ lưu đăng tiêu số “22” - 430m đến ngã ba kênh Quan Chánh Bô - kênh Tắt, chiều dài khoảng 700m như sau:

+ Dải độ sâu nằm bên trái luồng, lún luồng xa nhất 50m, độ sâu nhỏ nhất đạt 0,8m nằm sát biên luồng.

+ Dải độ sâu nằm bên phải luồng lún luồng xa nhất 24m, độ sâu nhỏ nhất đạt 3,0m nằm sát biên luồng.

Ngoài các dải độ sâu nêu trên độ sâu nhỏ nhất trên đoạn luồng này đạt 6,5m trở lên.

3. Đoạn 3 - đoạn luồng kênh Quan Chánh Bô: từ Ngã ba kênh Quan Chánh Bô - kênh Tắt đến Ngã ba sông Hậu - kênh Quan Chánh Bô (khu vực phao “46”) có chiều dài 20,0km như sau:

- Dải độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ ngã ba kênh Quan Chánh Bô - kênh Tắt đến hạ lưu đăng tiêu số “24” - 200m, chiều dài khoảng 520m, lún luồng xa nhất 9m, độ sâu nhỏ nhất đạt 5,7m nằm sát biên luồng.

- Dải độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ hạ lưu đăng tiêu số “26” - 610m đến hạ lưu đăng tiêu số “26” - 110m, chiều dài khoảng 450m, lún luồng xa nhất 8m, độ sâu nhỏ nhất đạt 5,3m nằm sát biên luồng.

- Dải độ sâu chắn ngang luồng kéo dài từ cặp đăng tiêu số “21”, “26” đến thượng lưu cặp đăng tiêu số “21”, “26” + 450m, chiều dài khoảng 450m, độ sâu nhỏ nhất đạt 4,9m, độ sâu nhỏ nhất ở tim luồng đạt 5,6m.

- Dải độ sâu chắn ngang luồng kéo dài từ thượng cặp đăng tiêu số “21”, “26” + 840m đến thượng lưu đăng tiêu số “23” + 460m, chiều dài khoảng 1,3km, độ sâu nhỏ nhất đạt 5,2m.

- Dải độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ thượng lưu đăng tiêu số “28” + 560m đến hạ lưu đăng tiêu số “30” - 140m, chiều dài khoảng 1,3km, lún luồng xa nhất 11m, độ sâu nhỏ nhất đạt 6,0m nằm sát biên luồng.

- Dải độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ thượng lưu đăng tiêu số “23” + 570m đến hạ lưu đăng tiêu số “25” - 110m, chiều dài khoảng 1,3km, lần luồng xa nhất 30m, độ sâu nhỏ nhất đạt 6,2m nằm sát biên luồng.

- Dải độ sâu chắn ngang luồng kéo dài từ hạ lưu đăng tiêu số “25” - 110m đến khu vực cặp đăng tiêu số “29”, “34”, chiều dài khoảng 4,0 km, độ sâu nhỏ nhất đạt 3,7m nằm sát biên trái luồng, độ sâu nhỏ nhất ở tim luồng đạt 5,3m.

- Dải độ sâu chắn ngang luồng kéo dài từ cặp đăng tiêu số “29”, “34” đến cặp đăng tiêu số “31”, “36”, chiều dài khoảng 1,1km, độ sâu nhỏ nhất đạt 1,2m nằm sát biên phải luồng trong khu vực tránh tàu; trong phạm vi 85m tính từ tim luồng ra mỗi bên 42,5m độ sâu nhỏ nhất đạt 4,8m.

- Dải độ sâu chắn ngang luồng kéo dài từ cặp đăng tiêu số “31”, “36” đến hạ lưu phao báo hiệu hàng hải số “37” - 950m, chiều dài khoảng 4,6km, độ sâu nhỏ nhất đạt 4,1m, độ sâu nhỏ nhất ở tim luồng đạt 4,4m.

- Dải độ sâu chắn ngang luồng kéo dài từ hạ lưu phao báo hiệu hàng hải số “37” - 950m đến hạ lưu phao báo hiệu hàng hải số “39A” - 230m, chiều dài khoảng 2,8km, độ sâu nhỏ nhất đạt 3,1m nằm sát biên phải luồng, độ sâu nhỏ nhất ở tim luồng đạt 3,9m.

- Dải độ sâu chắn ngang luồng kéo dài từ hạ lưu phao báo hiệu hàng hải số “39A” - 230m đến thượng lưu phao số “46” + 200m, chiều dài khoảng 1050m, độ sâu nhỏ nhất đạt -0,5m (cao hơn mực nước số “0 Hải đồ”) nằm sát biên phải luồng, độ sâu nhỏ nhất ở tim luồng đạt 2,8m.

Ngoài các dải độ sâu nêu trên độ sâu nhỏ nhất trên đoạn luồng này đạt 6,5m trở lên.

4. Đoạn 4 – đoạn luồng sông Hậu: từ Ngã ba sông Hậu - kênh Quan Chánh Bó (khu vực phao báo hiệu hàng hải số “46” + 200m) đến thượng lưu cặp phao báo hiệu hàng hải số “57” “64” (khu vực giao với luồng hàng hải Định An – sông Hậu) có chiều dài 16,2km chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất là 95m như sau:

- Dải độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ thượng lưu phao báo hiệu hàng hải số “46” + 200m đến thượng lưu phao số “46” + 800m, chiều dài khoảng 600m, lần luồng xa nhất 35m, độ sâu nhỏ nhất đạt 5,5m nằm sát biên luồng.

- Dải độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ hạ lưu phao báo hiệu hàng hải số “41” - 400m đến thượng lưu phao số “41” + 50m, chiều dài khoảng 450m, lần luồng xa nhất 14m, độ sâu nhỏ nhất đạt 5,9m nằm sát biên luồng.

- Xuất hiện các điểm có độ sâu 6,2m; 6,4m tại vị trí có tọa độ như sau:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (ϕ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (ϕ)	Kinh độ (λ)
6,2	09°37'54,3"N	106°14'43,3"E	09°37'50,7"N	106°14'49,7"E
6,4	09°37'54,7"N	106°14'37,8"E	09°37'51,0"N	106°14'44,2"E
6,4	09°37'59,9"N	106°14'35,1"E	09°37'56,3"N	106°14'41,5"E

Ngoài các điểm độ sâu, dải độ sâu nêu trên độ sâu nhỏ nhất trên đoạn luồng này đạt 6,5m trở lên.

5. Khu nước tránh tàu: trong phạm vi các khu tránh tàu có chiều dài 600m, chiều rộng 50m như sau:

- Khu tránh tàu 1 tại phía phải luồng, khu vực cặp đăng tiêu số “19”, “24”: Độ sâu nhỏ nhất đạt 6,5m trở lên.

- Khu tránh tàu 2 tại phía phải luồng, khu vực cặp đăng tiêu số “29”, “34” đến cặp đăng tiêu số “31”, “36”: Độ sâu nhỏ nhất đạt 1,2m trở lên nằm sát biên phải luồng.

6. Chương ngại vật trên luồng:

- Các đáy cá di động xuất hiện rải rác trên đoạn luồng trong khu vực từ ngã ba kênh Tắt đến đăng tiêu “27” lẫn luồng xa nhất khoảng 30m tại khu vực đăng tiêu số “24”.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI:

Các phương tiện hành hải trên tuyến luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu cần cứ thông báo hàng hải, bình đồ độ sâu và hệ thống báo hiệu hàng hải dẫn luồng để có biện pháp hành hải an toàn. Lưu ý các điểm cạn, dải cạn và chương ngại vật nêu trên và tuyệt đối tuân thủ sự điều động của Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ. / *mm*

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ;
- Công ty Thông tin điện tử Hàng hải;
- Lãnh đạo Tổng công ty BDATHH miền Nam;
- website www.vms-south.vn;
- Phòng: KTKH, KT, HTQT & QLHT;
- Lưu VT-VP, P. ATHH_{Dat}.

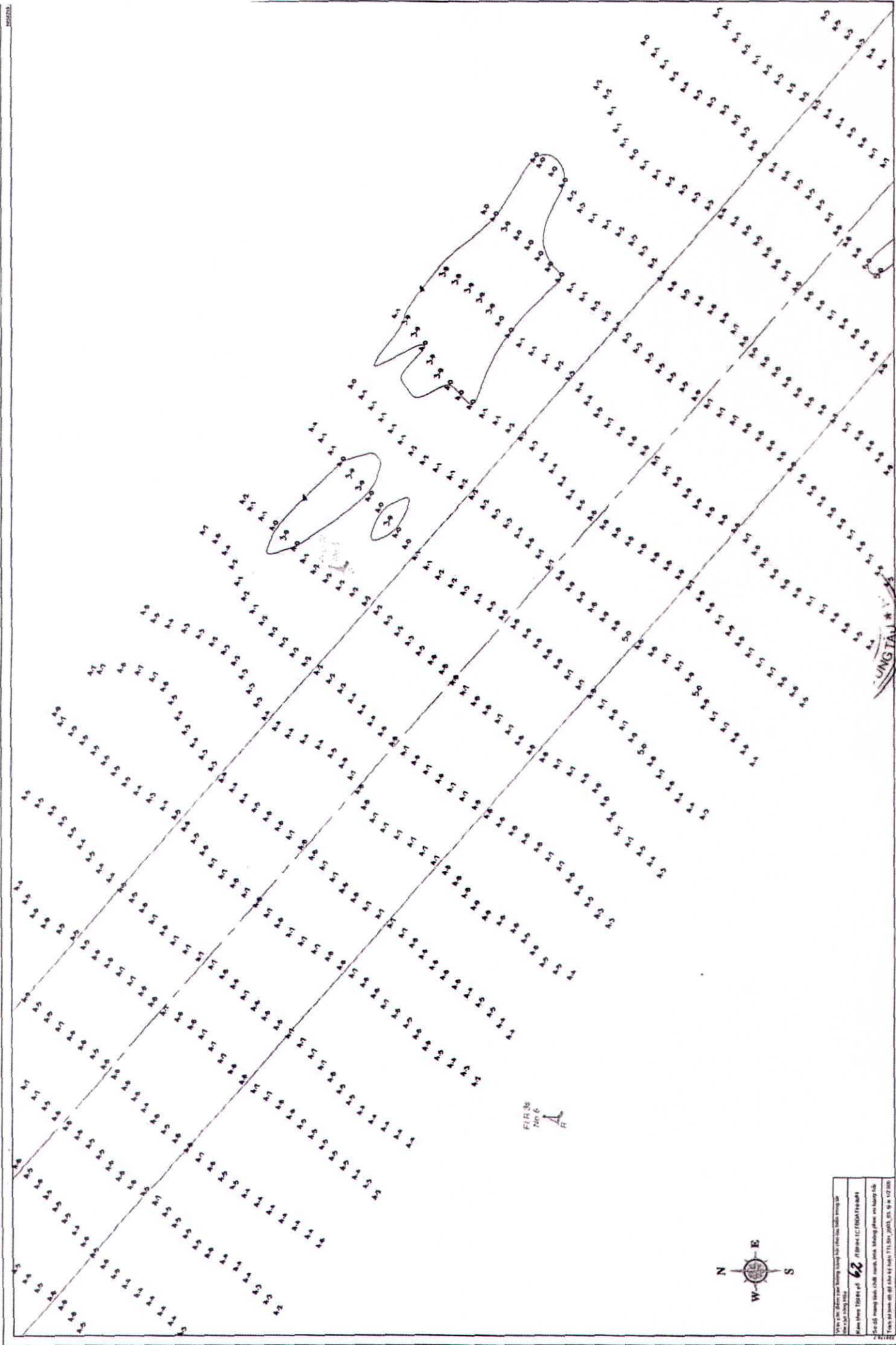
**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phạm Tuấn Anh

Danh sách nơi nhận kèm theo

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam
- 3 Cục Cảnh sát biển
- 4 Chi Cục đường sông phía Nam
- 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 6 - XNLD Dầu khí Vietsovetro (VSP)
- Tổng Cty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
- Tổng Cty Thăm dò khai thác Dầu khí (PVEP)
- Tổng Cty Vận tải Dầu khí (PVTrans)
- Cty CP Vận tải SP Khí quốc tế (Gas shipping)
- Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu KV miền Nam
- 7 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 8 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam
- Cty Vận tải Biển Đông (BISCO)
- Cty Vận tải biển Container Vinalines (VCSC)
- Cty Vận tải biển Vinalines (VLC)
- Cty CP Hàng hải Đông Đo (Dong Do MARINE)
- Cty CP Vận tải biển & Hợp tác LĐ Quốc tế (INLACO SAIGON)
- Công ty CP hàng hải Vinalines Nha Trang
- 9 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn)
- 10 Đài tiếng nói nhân dân Tp. Hồ Chí Minh
- 11 Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh
- 12 Công ty Vận tải biển VN (VOSCO)
- 13 Công ty Vận tải biển III (VINASHIP)
- 14 Cty Vận tải và thuê tàu biển VN (Vitranchart)
- 15 Cty Vận tải xăng dầu đường biển
- 16 Cty Vận tải Thủy Bắc
- 17 Cty VT và cung ứng xăng dầu đường thủy I
- 18 Cty Vận tải biển Sài Gòn
- 19 Trường Cao đẳng nghề Hàng hải TP.HCM
- 20 Cảng Sài Gòn
- 21 Trường Đại học GTVT TP.HCM
- 22 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Tây Nam Bộ
- 23 XN Khảo sát hàng hải miền Nam
- 24 XN Tàu dịch vụ dầu khí
- 25 XN Liên doanh dầu khí Việt Xô
- 26 XN Trục Vớt Cứu Hộ Vận Tải I
- 27 Công ty Phương Nam – Bộ Quốc Phòng
- 28 Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải KV V
- 29 Đài thông tin Duyên hải Cần Thơ
- 30 Sở GTVT & Sở NN&PTNN TP Cần Thơ
- 31 Bộ đội biên phòng TP Cần Thơ



UNG TAJ
M.S.

Trên giấy vẽ này đã được kiểm tra và xác định đúng nội dung
Màn hình hiển thị số 62 / Hình ảnh 1:2 / Hình ảnh 1:2
Trên giấy vẽ này đã được kiểm tra và xác định đúng nội dung



1:200
Tỷ lệ

bãi chứa vật liệu nạo vét
Đôn Xuân
Storage of dredged material

FIG.35
No.29



tỉnh Trà Vinh
Tra Vinh province
huyện Duyên Hải
Duyen Hai district
xã Long Vĩnh
Long Vinh commune

Vị trí các điểm quan trắc lắng đọng bùn cát của khu lấn biển vùng đất
Đôn Xuân vùng biển
Phạm Bình TĐB-01 số 62 /TĐB-01/TC/ĐQT/THAM
Số để mang tính chất minh bạch, không phục vụ hàng hải
Trên là hình vẽ do nhà tư vấn T.T.L.H. 2003, 18, 09, 12/03
11/09/03

Khoản quy định: 100.00, và chính 3.05

11/09/03



1151 1152 1153 1154 1155 1156 1157 1158 1159 1160 1161 1162 1163 1164 1165 1166 1167 1168 1169 1170 1171 1172 1173 1174 1175 1176 1177 1178 1179 1180 1181 1182 1183 1184 1185 1186 1187 1188 1189 1190 1191 1192 1193 1194 1195 1196 1197 1198 1199 1200

CHART NO. 1151
 1152 1153 1154 1155 1156 1157 1158 1159 1160 1161 1162 1163 1164 1165 1166 1167 1168 1169 1170 1171 1172 1173 1174 1175 1176 1177 1178 1179 1180 1181 1182 1183 1184 1185 1186 1187 1188 1189 1190 1191 1192 1193 1194 1195 1196 1197 1198 1199 1200

VÙNG BIỂN TRÀ VINH
TRÀ VINH'S COASTAL AREA

